TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 16/4/2020.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Sơn.

Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai Thu và bà Lưu Thị Hằng.

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Nê KDăm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/02/2020 vụ án "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/3/2020 và theo quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/3/2020, giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Chị Lê Thị Như H, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2, Bị đơn: Anh Trần Thái N, sinh năm 1995.
Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết chị Lê Thị Như H trình bày:

Chị và anh Trần Thái N tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/05/2015 tại UBND xã E, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống do tính tình không hợp, mâu thuẫn kéo dài trầm trọng, hạnh phúc không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ khoảng tháng 5 năm 2018 đến nay, chị đề nghị được ly hôn với anh Trần Thái N.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Trần Lê Thảo N – sinh ngày 17/01/2017 hiện đang do chị nuôi dưỡng và chăm sóc và chị xin được nuôi con vì hiện tại chị có thu nhập ổn định hàng tháng từ lương công nhân. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không nợ ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Trần Thái N có mặt tại nơi cư trú nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh không hợp tác để giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án tống đạt và niêm yết các

văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt nên không thể tiến hành hòa giải được. Vào ngày 05/3/2020 anh Trần Thái N gửi cho Tòa án đơn trình bày với nội dung "… *tôi là người Công giáo nên không được phép ly hôn, chị H kiên quyết ly hôn thì tự liên hệ với Tòa án để giải quyết, bản thân tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất giải quyết ly hôn, về con chung chị H nuôi được thì nuôi, không nuôi được thì tôi nuôi, về tài sản chung, nợ chung không có*…"

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

+ *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa anh Trần Thái N vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Như H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét đơn xin xét xử vắng mặt của chị H phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

- *Về nội dung vụ án*: Theo kết quả xác minh tại địa phương cũng như cuộc sống thực tế, hiện tại vợ chồng ly thân đã lâu xét thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc, chị Lê Thị Như H làm đơn xin ly hôn với anh Trần Thái N là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 91, Điều 186, Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Như H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Như H được ly hôn với anh Trần Thái N.

- *Về con chung*: Giao cho chị Lê Thị Như H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên là Trần Lê Thảo N – sinh ngày 17/01/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Thái N có mặt tại nơi cư trú nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa chị Lê Thị Như H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét đơn xin xét xử vắng mặt của chị H phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị Như H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Như H và anh Trần Thái N đăng ký kết hôn vào ngày 20/05/2015 tại UBND xã E, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án không tiến hành hòa giải được, nhưng qua xem xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng, lời trình bày của chị Lê Thị Như H và bản trình bày của anh Trần Thái N gửi cho Tòa án cũng như qua xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị Lê Thị Như H và anh Trần Thái N tại chính quyền địa phương, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, kéo dài, không hàn gắn được hạnh phúc là phù hợp với lời khai của chị Lê Thị Như H và bản trình bày của anh Trần Thái N.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị Như H và anh Trần Thái N thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Như H.

[3] Về con chung: Xét điều kiện, khả năng thu nhập của chị Lê Thị Như H, Hội đồng xét xử xét cần giao cho chị Lê Thị Như H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên là Trần Lê Thảo N – sinh ngày 17/01/2017 cho đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung: Chị Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không nợ ai nên chị Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[7] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 91, Điều 186 và Điều 188, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

+ Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Như H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị Như H được ly hôn với anh Trần Thái N.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị Như H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung tên là Trần Lê Thảo N – sinh ngày 17/01/2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Như H không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Lê Thị Như H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

5. Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai nên không đề cập giải quyết.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Như H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị H đã nộp theo biên lai số 0000558 ngày 06/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã E, huyện B;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn